

Tòa án trong nhà nước pháp quyền : Luận văn

ThS / Chu Thị Ngọc ; Nghd. : PGS.TS. Nguyễn Đăng

Dung . - H. : Khoa Luật, 2008 . - 107 tr. + CD-ROM

+ tóm tắt

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nhà nước pháp quyền là một giá trị văn hóa pháp lý mà nhân loại đã và đang tìm kiếm, xây dựng, phát triển trong quá trình đấu tranh không ngừng vì nền dân chủ, vì lợi ích và tự do cơ bản của con người. Đó là một mô hình tổ chức nhà nước chống lại sự lạm quyền, tùy tiện của công quyền để bảo vệ con người. Nhà nước pháp quyền yêu cầu chính quyền phải chịu sự kiểm soát của pháp luật, mà pháp luật phải xuất phát từ quyền tự nhiên của con người. Một khi vai trò của pháp luật được đề cao thì vai trò của hoạt động xét xử tư pháp cũng được coi là yếu tố hết sức quan trọng trong việc giúp tư tưởng pháp quyền trở thành hiện thực hơn. Do vậy, bất cứ nhà nước nào muốn xây dựng Nhà nước pháp quyền cũng đều phải quan tâm đến thiết chế Tòa án.

Ở Việt Nam, ngay từ khi mới thành lập chính quyền, Đảng ta đã chú trọng ngay đến việc củng cố, hoàn thiện hệ thống tòa án nhân dân để giải quyết các tranh chấp, vi phạm phát sinh trong đời sống xã hội. Năm 2000, Hiến pháp 1992 được sửa đổi, bổ sung với nhiều quy định mới, trong đó, quy định mang tính nguyên tắc của Hiến pháp về việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân ở nước ta đã đặt ra nhiều nhiệm vụ, yêu cầu đối mới tổng thể hệ thống chính trị, cũng như tính chất và hoạt động của Bộ máy nhà nước nhằm đáp ứng các đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền.

Để xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam, chúng ta cần phải đẩy mạnh cải cách tư pháp. Cùng với việc khẳng định mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền trong Hiến pháp 1992, hiện nay chúng ta cũng đang tiến hành chủ trương cải cách tư pháp theo chỉ thị quyết 08/CT-Q-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về “*Một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*” và chỉ thị quyết 49/CT-Q-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về “*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*”. Điều đó cho thấy một khi đã quyết tâm xây dựng nhà nước pháp quyền thì không thể không cải cách tư pháp.

Từ khi có chủ trương đẩy mạnh cải cách tư pháp, giới khoa học pháp lý đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến vấn đề này. Tuy nhiên thực tế cho thấy, mặc dù vấn đề cải cách Bộ máy nhà nước đã được đề cập từ lâu nhưng so với cải cách trong lĩnh vực lập pháp, hành pháp thì cải cách tư pháp ở nước ta vẫn còn diễn ra rất chậm, kết quả đạt được còn hạn chế, nhiều vấn đề chưa được thể chế hóa thành luật. Tình hình này có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân do vấn đề lý luận về cải cách tư pháp chưa được giải quyết triệt để.

ảnh hưởng được tầm quan trọng của Tòa án trong ảnh hưởng pháp quyền và xuất phát từ những yêu cầu của công cuộc xây dựng ảnh hưởng pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay ở nước ta, việc nghiên cứu đề tài “*Tòa án trong Nhà nước pháp quyền*” là rất cần thiết, có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Từ khi đổi mới đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp Việt ảnh hưởng cũng như kinh nghiệm của các nước trên thế giới, như đề tài cấp nhà nước do TS. Ưông Chu Lưu làm chủ nhiệm hoàn thành năm 2006 “*Cải cách cơ quan tư pháp, hoàn thiện hệ thống các thủ tục tư pháp, nâng cao hiệu lực xét xử của Tòa án trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân*”; luận án tiến sĩ luật học của TS. Đỗ Thị ảnh hưởng Tuyết “*Cải cách hệ thống Tòa án Việt Nam trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*”; luận văn thạc sĩ của Đặng Công Cường “*Vai trò của Tòa án trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”... Tư pháp và vai trò của tư pháp trong ảnh hưởng pháp quyền còn trở thành đề tài hội thảo khoa học của các cơ sở đào tạo luật như Viện nghiên cứu ảnh hưởng pháp luật, Trường Đại học Luật Hà ảnh hưởngội, Khoa Luật – ĐHQG Hà ảnh hưởng... và được xuất bản thành kỷ yếu, sách chuyên khảo, như “*Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*” do PGS.TSKH. Lê Cẩm và TS. ảnh hưởng ảnh hưởng gốc Chí – Khoa Luật đồng chủ biên. ảnh hưởng ngoài ra, có nhiều bài viết, ấn phẩm khoa học pháp lý, sách, tạp chí, báo... đã được xuất bản có nội dung đề cập đến Tòa án từ nhiều góc độ khác nhau.

Các công trình khoa học này đã góp phần làm rõ hơn các vấn đề lý luận và thực tiễn về mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống các cơ quan tư pháp nước ta. Tuy nhiên, mỗi công trình nghiên cứu dưới những khía cạnh cụ thể khác nhau của đề tài như về vai trò Tòa án; về mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án Việt ảnh hưởng ảnh hưởng; về hệ thống các cơ quan tư pháp Việt ảnh hưởng ảnh hưởng... Vì vậy, để góp phần vào quá trình cải cách tư pháp ở Việt ảnh hưởng ảnh hưởng trong giai đoạn xây dựng ảnh hưởng pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đề tài về Tòa án vẫn phải tiếp tục được nghiên cứu dưới những góc độ khác nhau nhằm giải quyết một cách đầy đủ, toàn diện các vấn đề lý luận và thực tiễn về tổ chức và hoạt động của Tòa án trong ảnh hưởng pháp quyền.

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Làm rõ khái niệm, đặc trưng của ảnh hưởng pháp quyền và vai trò, vị trí của Tòa án trong ảnh hưởng pháp quyền, từ đó phân tích các yêu cầu đối với Tòa án trong ảnh hưởng pháp quyền; cách thức tổ chức và hoạt động của Tòa án để đáp ứng được các yêu cầu đó.

- Trên cơ sở đó, luận văn phân tích thực trạng tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án Việt ảnh hưởng ảnh hưởng hiện nay và rút ra kiến nghị cải cách hệ thống Tòa án Việt ảnh hưởng ảnh hưởng nhằm đáp ứng yêu cầu của việc xây dựng ảnh hưởng pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

4. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn phân tích các yêu cầu đối với Tòa án trong ảnh hưởng pháp quyền và cách thức tổ chức, hoạt động của hệ thống Tòa án nhằm đem đến khả năng đáp ứng các yêu cầu của ảnh hưởng pháp quyền nói chung và ảnh hưởng pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt ảnh hưởng ảnh hưởng nói riêng.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Luận văn vận dụng tổng thể các phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử;
- Luận văn coi trọng phương pháp phân tích thực tiễn kết hợp với phương pháp so sánh và phân tích tổng hợp;
- Luận văn sử dụng rộng rãi phương pháp xã hội hóa, coi trọng ý kiến của các nhà chuyên môn, các nhà khoa học...

6. Những điểm mới của luận văn

- Luận văn phân tích các yêu cầu (tiêu chí) đối với Tòa án trong ă hà nước pháp quyền; cách thức tổ chức và hoạt động của Tòa án để đáp ứng được các yêu cầu đó.
- Trên cơ sở đó, luận văn kiến giải các giải pháp cải cách tổ chức và hoạt động của Tòa án Việt ă am trong bối cảnh xây dựng ă hà nước pháp quyền trên thế giới nói chung và phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt ă am nói riêng.

7. Kết cấu của luận văn

ă goài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: ă hà nước pháp quyền và các yêu cầu đối với Tòa án trong ă hà nước pháp quyền.

Chương 2: Thực trạng tổ chức và hoạt động của Tòa án Việt ă am hiện nay

Chương 3: Cải cách Tòa án Việt ă am theo yêu cầu xây dựng ă hà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Chương 1

NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VÀ CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI TÒA ÁN TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

1.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

1.1.1. Khái niệm Nhà nước pháp quyền

ă hà nước pháp quyền là một phương thức tổ chức và vận hành xã hội trên cơ sở các quyền. Các quyền này được phân định và tổ chức sao cho sự lạm quyền không thể xảy ra và quyền tự do, dân chủ, quyền tự nhiên của người dân được bảo vệ. Hiến pháp, pháp luật có tính tối cao và là các công cụ quan trọng nhất để xác lập và phân định các quyền. Hiến pháp, pháp luật được xây dựng trên nền tảng các tư tưởng pháp lý tiên bộ của nhân loại nhằm đảm bảo thực sự những giá trị xã hội được thừa nhận chung của nền văn minh thế giới: công bằng, nhân đạo, dân chủ, pháp chế. Trong đó, Hiến pháp được coi là linh hồn của nhà nước pháp quyền và là bản khế ước xã hội quan trọng nhất.

1.1.2. Các đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền

1.1.2.1. Nhà nước pháp quyền là một nhà nước dân chủ, được thành lập một cách chính đáng, hợp hiến, hợp pháp

Trong một xã hội đông dân cư, có cơ cấu phức tạp, đa sắc tộc với một nền kinh tế lớn, phát triển hoặc quan hệ quốc tế đa dạng, cần phải có các quyết định nhanh chóng, kịp thời, xác đáng và bảo đảm được lợi ích của cá nhân và thiểu số, việc cai trị trực tiếp của nhân dân là rất khó thực hiện. Do đó, tuy quyền lực vẫn thuộc về nhân dân nhưng nhân dân có thể ủy quyền cho các đại diện của mình trong chính quyền và có cơ chế kiểm tra, giám sát đối với những người thay mình nắm quyền lực nhà nước nhằm hạn chế sự lạm dụng quyền lực nhà nước. Tất cả sự đồng thuận này phải được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật. Đó là bản khế ước quan trọng để chúng ta thành lập nên ả hà nước.

1.1.2.2. Nhà nước pháp quyền là nhà nước bị giới hạn quyền lực

ả hà nước pháp quyền thể hiện tính dân chủ, tính quy luật cần phải tiến tới của nhân loại, chính sự giới hạn quyền lực nhà nước là một trong những đòi hỏi của ả hà nước pháp quyền. Sau đây là các phương thức giới hạn quyền lực nhà nước:

- + *Quyền con người được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật;*
- + *Phân quyền và kiểm soát quyền lực trong tổ chức quyền lực nhà nước;*
- + *Các chức danh quan trọng của nhà nước phải được nhân dân tín nhiệm, mọi quyết sách của nhà nước phải được công khai, minh bạch.*

1.1.2.3. Nhà nước pháp quyền đảm bảo tính tối cao của Hiến pháp và pháp luật

Điều làm cho Hiến pháp và pháp luật của ả hà nước pháp quyền có tính tối cao và trở thành linh hồn của ả hà nước pháp quyền, khác với các nhà nước khác trong lịch sử, là ở chỗ bản chất, nội dung và phương thức hình thành của nó. Pháp luật trong nhà nước pháp quyền chính là ý chí, quyền lợi và nghĩa vụ của công dân được luật hóa, là bản khế ước có sự đồng thuận giữa nhân dân và nhà nước. Vì vậy, Hiến pháp có quyền tối thượng trong hệ thống pháp luật quốc gia.

1.1.2.4. Nhà nước pháp quyền là nhà nước có nhánh quyền lực tư pháp độc lập

Tư pháp có vai trò quyết định trong việc hiện thực hóa các yêu cầu của ả hà nước pháp quyền. ả ếu không có tư pháp độc lập thì không thể nói đến nhà nước pháp quyền.

1.2. TƯ PHÁP TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

1.2.1. Khái niệm Tư pháp

Khái niệm “Tư pháp” có thể được hiểu theo nhiều nghĩa: Tư pháp có thể được hiểu là một thuật ngữ dùng để chỉ hoạt động của nhiều cơ quan điều tra, kiểm sát, xét xử, những cơ quan khác thực hiện nhiệm vụ xây dựng và áp dụng, tuyên truyền pháp luật... Khái niệm Tư pháp còn được hiểu rộng hơn nữa qua khái niệm hệ thống tư pháp: coi hệ thống tư pháp như là một yếu tố của hệ thống kiểm tra, kiểm soát xã hội; hoặc coi Tư pháp như là một hệ thống các khâu tổ tụng dẫn đến xét xử và phán quyết của Tòa án; hoặc coi hệ thống tư pháp như là cả một quá trình áp dụng pháp luật từ phía cơ quan quyền lực nhà nước. Để thống nhất cách hiểu khái niệm, Tư pháp trong phạm vi nghiên cứu này được đề cập với tư cách là hệ thống tòa án.

Tòa án không chỉ là nơi hoạt động xét xử các tranh chấp, kiện tụng, phạm pháp trong nhân dân mà còn là nơi thực hiện quyền tư pháp “bảo vệ những gì đúng đắn, công bằng hay hợp pháp” ngay cả đối với các ngành quyền lực nhà nước. Thông qua hoạt động xét xử, Tòa án còn có các nhiệm vụ:

- Kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp của các quyết định và hoạt động của các cơ quan nhà nước và những người có thẩm quyền;
- Giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật hiện hành về những vấn đề thực tiễn xét xử;...

1.2.2. Đặc điểm của Tòa án trong nhà nước pháp quyền

1.2.2.1. So với hai ngành quyền lực còn lại, Tòa án là một ngành quyền lực ít có nguy cơ lạm dụng quyền lực nhất trong việc xâm phạm đến quyền và lợi ích của công dân

Tòa án là một nhánh quyền lực có vị trí đặc biệt quan trọng trong ả hà nước pháp quyền, nhưng đây lại là nhánh quyền lực yếu hơn so với hai nhánh quyền lực còn lại lập pháp và hành pháp. Có thể nói rằng ngành tư pháp vừa không có lực lượng, lại không có ý chí, mà chỉ có phán đoán và cần phải dựa trên sự trợ tá của ngành hành pháp mới có thể thi hành được quyết định của trí phán đoán của mình. Điều đó cho thấy với vị trí của mình, Tòa án ít có nguy cơ lạm quyền và cũng ít nguy hiểm đối với các quyền, tự do của con người hơn so với quyền lập pháp và hành pháp.

1.2.2.2. Tòa án là thiết chế có khả năng nhất bảo đảm cho pháp luật được thực hiện, bảo vệ công lý, bảo vệ nhân quyền

Khác với cơ quan thực hiện quyền lập pháp và hành pháp, Tòa án là cơ quan bảo vệ pháp luật trước những hành vi vi phạm pháp luật, góp phần bảo vệ tính thiêng liêng, hiệu lực và sức mạnh của luật pháp. Với chức năng này, tòa án cũng chính là cơ quan có khả năng cao nhất trong việc giới hạn quyền lực nhà nước, bảo vệ nhân quyền.

1.2.2.3. Tòa án là thiết chế có quyền tài phán đối với mọi hành vi phạm pháp và mọi tranh chấp phát sinh trong xã hội, đặc biệt Tòa án là cơ quan duy nhất có quyền phán quyết ai là người có tội và phải chịu các chế tài hình phạt, mọi phán quyết của Tòa án có tính cưỡng chế, bắt buộc thi hành

Một nguyên tắc được thừa nhận chung của nền văn minh pháp lý nhân loại là: không có ai bị coi là có tội cũng như phải chịu hình phạt, khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Tòa án có quyền xét xử mọi hành vi phạm pháp và mọi tranh chấp phát sinh trong xã hội. Hoạt động xét xử của Tòa án là hoạt động nhân danh nhà nước áp dụng pháp luật vào việc giải quyết các tranh chấp, xét xử các vi phạm pháp luật cụ thể. Phán quyết của Tòa án có hiệu lực bắt buộc, bản án và quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân tôn trọng.

1.3. CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI TÒA ÁN TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

Để chống lại mọi hành vi cưỡng bức của công quyền, Tòa án trong ả hà nước pháp quyền phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1.3.1. Tòa án trong Nhà nước pháp quyền phải là thiết chế độc lập thực sự

Để tăng cường sức mạnh cho Tòa án, nhà nước phát triển đã nghĩ ra rất nhiều phương thức bảo đảm cho sự độc lập của tòa án. Đó là cách thức tổ chức và hoạt động của tòa án (tòa án phải thực sự độc lập cả về tổ chức lẫn hoạt động chứ không phải chỉ khi xét xử); nhiệm kỳ bền vững và chế độ lương bổng cao, tăng cường trách

nhệm của thẩm phán, thẩm quyền xét xử theo lương tâm... độc lập là bản tính cần phải có của Tòa án. ả ó phải được ghi nhận trong Hiến pháp và các đạo luật có tính tối cao của ả hà nước.

1.3.2. Tòa án phải có khả năng giới hạn hai cạnh quyền lực lập pháp và hành pháp trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật.

Để tránh sự tập trung thái quá và sự tha hóa của quyền lực nhà nước, biện pháp hiệu quả nhất là ngành tư pháp phải tách biệt khỏi ngành lập pháp và hành pháp, đồng thời Tư pháp phải có đủ quyền năng kiểm soát được chúng. Sự kiểm soát của tư pháp đối với lập pháp và hành pháp có thể thực hiện thông qua nhiều cơ chế, có thể thông qua một tòa án thường (bao gồm cả tòa án tối cao) có thẩm quyền chung để đảm bảo tính hợp pháp của hành pháp hoặc thông qua các cơ quan chuyên biệt, như Tòa hành chính chuyên phán xét sự tranh chấp giữa chính quyền và người dân, Tòa án Hiến pháp hay Hội đồng bảo hiến....Tòa án hiến pháp là một cơ chế giám sát đặc biệt quan trọng trong việc kiểm soát tư pháp đối với chính quyền, là cơ chế bảo đảm sự tuân thủ hiến pháp của cả hai tổ chức thực hiện chức năng lập pháp và hành pháp. Tuy nhiên, Tư pháp chỉ đóng được vai trò này khi có đủ ba điều kiện cốt lõi: sự độc lập, quyền đưa ra những quyết định xét xử và một tổ chức có hiệu quả.

1.3.3. Tòa án phải đảm bảo các quyền và tự do của con người, là hiện thân của công lý để giải quyết mọi tranh chấp dù là tranh chấp chính trị hay tranh chấp dân sự

Sự khác nhau giữa ả hà nước pháp quyền và các hình thức nhà nước khác dưới chế độ độc tài, chuyên chế là các quyền, lợi ích chính đáng của con người không thể bị xâm phạm dưới bất cứ hình thức nào mà còn được Tòa án bảo vệ khỏi sự can thiệp không cần thiết của chính quyền. Đó không hẳn là quyền của đa số mà chính là quyền của cá nhân mỗi người, quyền của thiểu số. Tòa án chính là nơi có khả năng tốt nhất cho việc bảo vệ quyền lợi này. Do vậy, một nhà nước dân chủ muốn thực hiện tốt chức năng bảo vệ thiểu số và quyền lợi của cá nhân thì phải tăng cường hoạt động tư pháp.

Trong ả hà nước pháp quyền, tổ chức và hoạt động của các tổ chức phi nhà nước, bao gồm các đảng phái chính trị cũng phải tuân thủ những quy định của Hiến pháp và pháp luật; những tranh chấp trong hoạt động liên quan cũng được xem xét ở một Tòa án độc lập. ả hững nhà chính trị phải hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, mặc dù trong nhiều trường hợp những nhà chính trị cảm thấy không thực sự dễ chịu và luôn có xu hướng vượt ra ngoài cái khuôn khổ đó. Sự đề cao của pháp luật trong nhà nước pháp quyền có nghĩa rằng các nhà chính trị phải tuân thủ chứ không được vi phạm. Để không bị ảnh hưởng bởi thế lực chính trị, Tòa án phải thực sự độc lập trong bộ máy quyền lực nhà nước.

Chương 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TÒA ÁN VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HỆ THỐNG TÒA ÁN VIỆT NAM

- Hệ thống tòa án Việt Nam thời kỳ trước Hiến pháp 1946

Từ khi cách mạng tháng tám thành công cho đến khi Hiến pháp 1946 được thông qua, trong giai đoạn chưa ban hành được Hiến pháp, các Tòa án được thành lập theo yêu cầu của từng địa bàn về phòng chống tội phạm cũng như giải quyết các việc dân sự, thương sự.

- Hệ thống tòa án Việt Nam thời kỳ 1946-1959

Theo Hiến pháp 1946 thì ở Việt ă am cơ quan tư pháp gồm có: Tòa án tối cao, các tòa phúc thẩm, các tòa đệ nhị cấp và sơ cấp. Tòa án tối cao được thành lập, nhưng chịu sự quản lý của Chính phủ. Các thẩm phán của Tòa án do Chủ tịch nước bổ nhiệm. Hệ thống tòa án được tổ chức theo các nguyên tắc: Tòa án độc lập đối với hành chính; các thẩm phán do Chính phủ bổ nhiệm; xử các việc hình có phụ thẩm nhân dân tham gia; khi xét xử các viên thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật, các cơ quan khác không được phép can thiệp; các phiên tòa đều được công khai, trừ những trường hợp đặc biệt; bị cáo có quyền tự bào chữa lấy hoặc tìm luật sư; quốc dân thiểu số có quyền dùng tiếng nói của mình trước Tòa án.

- Hệ thống tòa án Việt Nam thời kỳ 1959-1980

Hệ thống tòa án theo Hiến pháp 1959 có những điểm rất mới so với Hiến pháp năm 1946, thể hiện ở chỗ: thứ nhất, hệ thống tòa án từ mô hình Tòa án theo cấp xét xử chuyển sang mô hình Tòa án tổ chức theo đơn vị hành chính lãnh thổ; thứ hai, hệ thống Viện kiểm sát được thiết lập để thực hiện quyền công tố, thay cho Viện Công tố trước đây; thứ ba, Bộ Tư pháp đã bị giải thể và thay thế vào đó là hệ thống quản lý các cơ quan tư pháp, trong đó hệ thống tòa án quản lý theo ngành dọc là cách thức mà hiện nay chúng ta đang áp dụng.

- Hệ thống tòa án Việt Nam thời kỳ 1980-1992

Hiến pháp năm 1980 quy định: Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân địa phương, các Tòa án quân sự là những cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt ă am. Trong tình hình đặc biệt hoặc trong trường hợp cần xét xử những vụ án đặc biệt, Quốc hội hoặc Hội đồng nhà nước có thể quyết định thành lập Tòa án đặc biệt. Ở cơ sở, thành lập các tổ chức thích hợp của nhân dân để giải quyết những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân, theo quy định của pháp luật.

- Hệ thống Tòa án Việt Nam thời kỳ 1992 đến nay

So với Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1992 đã mở ra những thay đổi về nguyên tắc tổ chức của ngành Tòa án như: Tòa án đặc biệt chỉ được thành lập “trong tình hình đặc biệt” và cũng chỉ do Quốc hội quyết định; *chế độ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và nhiệm kỳ của thẩm phán được thay thế cho chế độ bầu cử thẩm phán trong Hiến pháp 1980*. Chế độ bổ nhiệm thẩm phán đã được thực hiện sự phân cấp: Chánh án Tòa án nhân dân tối cao do Quốc hội bầu và miễn nhiệm; thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao do Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức; thẩm phán Tòa án nhân dân địa phương do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức theo đề nghị của Hội đồng tuyển chọn thẩm phán.

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TÒA ÁN VIỆT NAM TỪ 1992 ĐẾN NAY

2.2.1. Về tổ chức Tòa án

- + Mở rộng thẩm quyền xét xử và thành lập các tòa chuyên trách phù hợp với sự phát triển các quan hệ kinh tế - dân sự, xã hội và quá trình dân chủ hóa nước ta thời kỳ đổi mới;
- + Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm các vụ án kinh tế, lao động và hành chính cũng đã có sự điều chỉnh phù hợp. Thực hiện chế độ bổ nhiệm thẩm phán theo nhiệm kỳ 5 năm thay cho chế độ bầu thẩm phán.
- + Phân định lại thẩm quyền xét xử của Tòa án các cấp theo hướng từng bước tăng thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện.
- + Cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ cho hoạt động xét xử của Tòa án được chú trọng hơn và được nâng cao lên một bước.

+ Công tác quản lý Tòa án địa phương về mặt tổ chức được chuyển từ Chính phủ (Bộ tư pháp) sang Tòa án nhân dân tối cao.

2.2.2. Về hoạt động xét xử của Tòa án

2.2.2.1. Số lượng vụ án đã xét xử

Từ các báo cáo tổng kết của ngành tòa án hàng năm cho thấy tỷ lệ xét xử các loại án trong vòng sáu năm trở lại đây cho thấy tiến độ xét xử càng ngày được đảm bảo hơn. Xét về tỷ lệ các vụ án được giải quyết hàng năm trên tổng số thẩm phán của cả nước thì không cao nhưng tỷ lệ này ở một số thành phố lớn cho thấy thẩm phán đang bị quá tải, khó hoàn thành chỉ tiêu xét xử về số lượng.

2.2.2.2. Chất lượng hoạt động xét xử

Chất lượng hoạt động xét xử được đánh giá, xem xét trên các tiêu chí về chất lượng phiên tòa, thực trạng tuân thủ các quy định của luật tố tụng và chất lượng xét xử.

Trên thực tế và qua các báo cáo hàng năm của ngành Tòa án, có thể thấy chất lượng hoạt động xét xử của ngành Tòa án ngày càng đảm bảo cả về tiến độ và chất lượng, việc thực hiện nguyên tắc công khai đã đạt được những tiến bộ quan trọng, đã khắc phục về cơ bản tình trạng trễ quá thời hạn xét xử, các nguyên tắc xét xử được tuân thủ tốt hơn... Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm này, thì vẫn còn nhiều hạn chế mà ngành Tòa án cần phải khắc phục như việc công khai các bản án vẫn còn là vấn đề bỏ ngõ, chưa được thực hiện tích cực; những quy định pháp luật về nguyên tắc độc lập của Tòa án vẫn còn nhiều mâu thuẫn, chống chéo; tình trạng các cấp ủy Đảng và các Tòa án cấp trên trực tiếp chỉ đạo xét xử một số vụ án cụ thể vẫn còn xảy ra làm ảnh hưởng tới sự độc lập của Tòa án ví dụ vụ án đất đai ở Đồ Sơn...; cũng còn sự thừa nhận về tình trạng bản án, thẩm phán, chỉ đạo án diễn ra ở một mức độ nhất định và đây chính là những vi phạm nguyên tắc xét xử độc lập; việc tranh tụng công khai tại phiên tòa chưa thể hiện đúng bản chất của nó, phần lớn vẫn thiên về việc xét hỏi, thẩm vấn...

2.2.2.3. Những yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động của Tòa án

Các yếu tố ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả hoạt động của Tòa án là con người, hệ thống pháp luật và hạ tầng cơ sở vật chất, trong đó, đặc biệt là yếu tố con người. Thực tế cho thấy án bị sửa, bị hủy không chỉ do năng lực chuyên môn của thẩm phán yếu kém mà còn do thẩm phán bị áp lực mà xử sai, thẩm phán vì những lợi ích vật chất mà không vô tư, khách quan, thiếu trách nhiệm, làm sai lệch hồ sơ vụ án, làm giả hồ sơ.... cho nên vấn đề không chỉ ở trình độ, chuyên môn của thẩm phán mà điều quan trọng còn là ở phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh của người thẩm phán...

Chương 3

CẢI CÁCH TÒA ÁN VIỆT NAM THEO YÊU CẦU XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

3.1. VAI TRÒ VÀ QUAN ĐIỂM VỀ CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam, vấn đề cải cách tư pháp được Đảng, nhà nước và nhân dân đặc biệt quan tâm. Ngày 02/6/2005, Bộ Chính trị ban hành nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 với nhiều nội dung khác nhau, trong đó xác định Tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm; xã hội hóa mạnh mẽ hoạt động hỗ trợ tư pháp. Một trong những nhiệm vụ trọng

tâm của ả ghị quyết 49-ả Q/TW là phải tổ chức lại hệ thống tòa án, đó là: “*Tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính, gồm: tòa án sơ thẩm khu vực được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện; tòa án phúc thẩm có nhiệm vụ chủ yếu là xét xử phúc thẩm và xét xử sơ thẩm một số vụ án; tòa thượng thẩm được tổ chức theo khu vực có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm; Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm*”. Tuy nhiên, ả ghị quyết cũng nhấn mạnh: “*Việc thành lập Tòa án chuyên trách phải căn cứ vào thực tế xét xử của từng cấp Tòa án, từng khu vực. Đối mới tổ chức Tòa án nhân dân theo hướng tinh gọn, với đội ngũ Thẩm phán là những chuyên gia đầu ngành về pháp luật, có kinh nghiệm trong ngành*”. ả hư vậy, mô hình hệ thống bộ máy Tòa án theo tinh thần ả ghị quyết 49 sẽ được thay đổi cơ bản cả về lượng và chất.

Việc cải cách tư pháp có ý nghĩa quan trọng và cấp bách không chỉ về mặt xã hội – chính trị và pháp lý mà còn cả về mặt lý luận và thực tiễn. Bởi vì trong giai đoạn tìm kiếm các biện pháp và con đường để xây dựng ả hà nước pháp quyền Việt ả am hiện nay, việc tôn trọng và bảo vệ các quyền, tự do của con người với tính chất là các giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung cho nền văn minh nhân loại cũng sẽ không bao giờ trở thành hiện thực nếu như không được bảo vệ bằng hệ thống Tòa án công minh, độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, chứ chưa nói gì đến việc xây dựng thành công nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Tuy hiện nay, trong khoa học pháp lý Việt ả am xung quanh những vấn đề về cải cách hệ thống tòa án Việt ả am vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau, nhưng các quan điểm đều thống nhất rằng để cải cách hệ thống tòa án nhân dân, chúng ta không chỉ cải cách về tổ chức mà còn phải cải cách tất cả những vấn đề liên quan đến hoạt động của hệ thống tòa án như cải cách về thể chế, về trình tự, thủ tục, phương thức, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, chức danh tư pháp....

Trên tinh thần chỉ đạo của Đảng, để công cuộc cải cách tư pháp nói chung và hệ thống tòa án nhân dân nói riêng thành công, đáp ứng được các yêu cầu của ả hà nước pháp quyền, việc xác định các phương hướng cơ bản của công cuộc cải cách sao cho đảm bảo tính thống nhất, khoa học, khả thi, phù hợp với điều kiện cụ thể về kinh tế - xã hội, chính trị văn hóa – pháp lý, lịch sử truyền thống của Việt ả am... là rất cần thiết. Sau đây là những phương hướng cơ bản cho công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa:

Trước hết, cải cách tư pháp phải xuất phát từ nhu cầu và hoàn cảnh xã hội cụ thể trong từng giai đoạn phát triển của đất nước ta.

Thứ hai, cải cách tư pháp trong điều kiện xây dựng ả hà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đảm bảo giữ vững và phát huy bản chất dân chủ, vì con người và bảo vệ quyền con người.

Thứ ba, cải cách tư pháp gắn chặt với việc bảo đảm thật sự cho nguyên tắc độc lập của Tòa án.

Thứ tư, những vấn đề đặt ra trong cải cách tư pháp phải được thể chế hóa trong Hiến pháp và các đạo luật của nhà nước.

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ VIỆC CẢI CÁCH TƯ PHÁP TRONG BỐI CẢNH XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN Ở VIỆT NAM

Thứ nhất, cải cách mô hình tổ chức và hoạt động của Tòa án đảm bảo nguyên tắc Tòa án độc lập, nâng cao hiệu quả xét xử

Thực tiễn cho thấy, việc tổ chức Tòa án theo địa giới hành chính như hiện nay của chúng ta là không còn phù hợp nữa vì khối lượng công việc, khối lượng vụ án hình sự và khối lượng tranh chấp các loại đưa đến Tòa án xét xử cũng như quy mô, độ phức tạp, mức nghiêm trọng của các vụ án rất khác biệt giữa các địa bàn, dẫn đến hiệu quả xét xử không cao, án tồn đọng nhiều, vi phạm nguyên tắc độc lập của Tòa án vì có sự can thiệp của cấp chính quyền địa phương... Tổ chức lại hệ thống tòa án theo tinh thần ă ghi quyết 49-ă Q/TW “Tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử” là một chỉ đạo đúng đắn và phù hợp với thực tiễn hiện nay của chúng ta, đồng thời đảm bảo nguyên tắc Tòa án độc lập. Để xác định con số lượng các Tòa án sơ thẩm khu vực cũng như Tòa án phúc thẩm trong cả nước cũng như ở từng địa bàn, chúng ta phải có điều tra, thống kê đầy đủ về số lượng các vụ án hình sự, dân sự, số lượng tranh chấp các loại, tình hình vi phạm pháp luật, mật độ dân cư, giao thông, trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, lịch sử, địa lý... ở từng khu vực thì mới giải quyết được bài toán về số lượng Tòa sơ thẩm và Tòa phúc thẩm cũng như địa bàn tổ chức các tòa án này.

Thứ hai, mở rộng thẩm quyền xét xử chung của Tòa án, thành lập thêm các tòa chuyên trách trong hệ thống tòa án nhân dân

Với mục tiêu đảm bảo Tòa án có thẩm quyền xét xử mọi tranh chấp phát sinh trong đời sống xã hội khi người dân có yêu cầu thì một trong những việc cần phải tiến hành ngay là đẩy mạnh và mở rộng thẩm quyền xét xử của Tòa án trong tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tranh chấp lao động và hành chính.

ă goài ra, cần thành lập thêm các tòa chuyên trách ở mỗi Tòa án thẩm quyền chung. Tuy nhiên, việc thành lập Tòa chuyên trách phải căn cứ vào nhu cầu và thực tế xét xử của từng cấp Tòa án, ở từng địa bàn, không nhất thiết ở cấp nào, địa phương nào cũng thành lập Tòa chuyên trách giống nhau. Ví dụ ở khu vực thành phố có thể thành lập thêm các Tòa người chưa thành niên, Tòa sở hữu trí tuệ...; ở khu vực nông thôn có thể thành lập thêm Tòa đất đai...

Thứ ba, xác lập vai trò của Tòa án trong vấn đề kiểm soát lập pháp và hành pháp bằng cách hoàn thiện tổ chức, hoạt động của Tòa án hành chính và xây dựng cơ chế bảo hiến bằng Tư pháp.

Có thể nói rằng sự kiểm soát của Tòa án đối với lập pháp và hành pháp là một tất yếu của việc tổ chức chính quyền. Tuy nhiên, đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến cấp chính quyền nên để đảm bảo nguyên tắc độc lập của Tòa án, việc tổ chức Tòa án hành chính phải không được phụ thuộc vào đơn vị hành chính lãnh thổ, cách tốt nhất là thành lập Tòa án Hành chính chuyên trách thuộc hệ thống Tòa án nhân dân theo thẩm quyền. Và điều quan trọng để người dân tiến gần hơn tới cánh cửa công lý là phải đơn giản hóa các thủ tục tố tụng đối với nhân dân (cơ chế một cửa) nhưng cần chặt chẽ, chính xác đối với các cơ quan tiến hành tố tụng.

Việc thành lập cơ chế bảo hiến bằng Tư pháp sẽ là sự đánh dấu vai trò vô cùng quan trọng của Tòa án trong việc kiểm soát lập pháp và hành pháp. Có lẽ lâu dài, việc thành lập Tòa án Hiến pháp riêng biệt là lý tưởng cho cơ chế bảo hiến, nhưng hiện tại nên giao cho Tòa án thường quyền giám sát tư pháp hiến pháp, nghĩa là trong một vụ việc cụ thể, công dân có quyền yêu cầu Tòa án kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp các văn bản pháp luật của Quốc hội và Chính phủ mà sẽ áp dụng đối với mình. ă ếu xét thấy văn bản đó vi Hiến thì Tòa án phải từ chối áp dụng văn bản đó, sau đó kiến nghị lên cơ quan đã ban hành để có cách thức xử lý.

Thứ tư, tăng cường trách nhiệm của thẩm phán bằng cách quy chuẩn hóa vấn đề đạo đức nghề nghiệp thẩm phán, kéo dài nhiệm kỳ thẩm phán; đảm bảo mức lương và hỗ trợ tương xứng cho thẩm phán, có cơ chế bảo vệ thẩm phán.

ã ngoài việc quy chuẩn hóa điều kiện chuyên môn, nghiệp vụ cho việc tuyển chọn bổ nhiệm thẩm phán thì việc quy chuẩn đạo đức nghề nghiệp cho thẩm phán cũng là việc cần phải làm ngay. Thẩm phán phải được quyền phán xử theo lương tâm mà không trái pháp luật. Bên cạnh đó, cần có cơ chế để thẩm phán yên tâm công tác, đó là nhiệm kỳ công tác phải ổn định, bền vững (có thể kéo dài 7 đến 9 năm hoặc cho đến hết tuổi lao động theo luật định), lương bổng, phụ cấp tương xứng, thẩm phán phải được bảo vệ về tài sản và tính mạng, được bảo vệ trước sức ép của các quyền lực nhà nước và các thế lực khác của xã hội...

Thứ năm, kiên quyết chuyển từ tố tụng xét hỏi sang tố tụng tranh tụng tại phiên tòa nhằm đảm bảo sự bình đẳng, công khai, minh bạch trong xét xử.

Hiện nay, nhiều hội đồng xét xử, nhất là thẩm phán chủ tọa phiên tòa vẫn điều hành phiên tòa chủ yếu theo cách thức thẩm vấn, xét hỏi, thiên về buộc tội, áp đặt trên cơ sở hồ sơ điều tra, truy tố; kiểm sát viên giữ quyền công tố tại tòa chưa coi việc tranh luận là trách nhiệm, nghĩa vụ của mình, chưa bình đẳng với tư cách là một bên tham gia tố tụng, chỉ tranh luận chiếu lệ, chưa thể hiện đúng bản chất của việc tranh tụng...

Để khắc phục tình trạng này, cần phải sửa đổi, bổ sung các quy định về tố tụng theo hướng trao nghĩa vụ chứng minh cho các bên tham gia tố tụng (Viện kiểm sát, Luật sư), Tòa án chỉ đóng vai trò “trọng tài”, các bên tham gia tố tụng phải được hưởng những quyền tương đương nhau trong việc tiến hành các hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ, gặp gỡ nhân chứng...

Thứ sáu, việc cải cách đối với một số cơ quan tiến hành tố tụng khác như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án và các hoạt động hỗ trợ tư pháp như hoạt động luật sư, hoạt động công chứng, hoạt động giám định tư pháp... cũng phải được thực hiện song song với việc cải cách hệ thống Tòa án.

Đối với Viện kiểm sát và cơ quan điều tra, nên nhập chức năng điều tra các tội phạm vào chức năng công tố buộc tội của Viện kiểm sát (gọi là Viện Công tố) bởi điều tra và lời buộc tội cần phải đặc biệt thống nhất với nhau. Viện kiểm sát không nên thuộc hệ thống Tư pháp như hiện nay mà nên thuộc Chính phủ (Hành pháp) cho phù hợp với xu thế chung của các nước trên thế giới. Để đảm bảo nguyên tắc độc lập thực sự của Tòa án, Viện kiểm sát không nên kiêm chức năng kiểm sát xét xử vì như thế chẳng khác gì “vừa đá bóng vừa thổi còi”. Viện kiểm sát (Viện công tố) cũng phải được tổ chức và hoạt động theo thẩm quyền truy tố (buộc tội) song song với thẩm quyền xét xử của các Tòa án chứ không nên theo thẩm quyền lãnh thổ. Điều đó có nghĩa là Viện công tố cũng sẽ tổ chức làm 4 cấp: Viện công tố sơ thẩm khu vực, Viện công tố phúc thẩm, Viện công tố thượng thẩm và Viện Công tố tối cao.

Các cơ quan thi hành án thuộc nhánh quyền hành pháp và vẫn nên để Bộ Công an quản lý. Thi hành án là lĩnh vực có tính cưỡng chế bắt buộc, lực lượng vũ trang nhân dân là ứng cử thích hợp cho hoạt động này.

Các hoạt động hỗ trợ tư pháp cũng phải được cải cách và hoàn thiện góp phần nâng cao hiệu quả xét xử của Tư pháp, đặc biệt là hoạt động luật sư trong quá trình chuyển từ tố tụng xét hỏi sang tố tụng tranh tụng công khai tại phiên Tòa.

Thứ bảy, thể chế hóa các quy định về tư pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đảm bảo tính tối cao của Hiến pháp và pháp luật

Việc cải cách bộ máy tư pháp phải tiến hành đồng bộ với việc cải cách hệ thống pháp luật (bao gồm cả luật hình thức và luật nội dung). Trước hết, chúng ta phải thể chế hóa những quy định về tổ chức và hoạt động của bộ máy tư pháp trong Hiến pháp và các đạo luật có tính tối cao để áp dụng một cách thống nhất. Cần phải rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật tổ tụng hình sự và tổ tụng dân, nâng cao hiệu quả xét xử, đảm bảo nguyên tắc độc lập của Tòa án, ví dụ mở rộng thẩm quyền cho điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán để nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình; quy định rõ quy trình tố tụng tranh tụng, vai trò của các bên tham gia tranh tụng; đề cao trách nhiệm và quyền tự định đoạt, chứng minh của các đương sự trong việc giải quyết các tranh chấp dân sự... Bên cạnh đó việc sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật đối với các lĩnh vực trong đời sống xã hội cũng rất cần thiết, nhất là nhiều lĩnh vực mới phát sinh như tội phạm môi trường, tội phạm công nghệ thông tin...; phi hình sự hóa một số hành vi kinh doanh trái phép; thể hiện tính nhân đạo trong quy phạm pháp luật như giảm các hình phạt tử hình, tăng hình phạt tiền và hình phạt cải tạo không giam giữ... nhằm đảm bảo bản chất dân chủ, nhân đạo của ả hà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong việc trấn áp phòng ngừa tội phạm, giữ gìn trật tự xã hội vì sự phát triển chung của loài người.

KẾT LUẬN

1. Tư tưởng ả hà nước pháp quyền xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử nhân loại. Cùng với tư tưởng ấy, Tòa án được coi là một nhân tố cơ bản của ả hà nước pháp quyền và càng ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tiến trình xây dựng ả hà nước pháp quyền hiện thực. Dù ở ả hà nước pháp quyền tư bản chủ nghĩa hay ở ả hà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Tòa án luôn là yếu tố có tính quyết định đến việc hiện thực hóa những tư tưởng pháp quyền đó.

Trong ả hà nước pháp quyền, Tòa án phải có những đặc trưng, yêu cầu khác với Tòa án của các nhà nước phi pháp quyền khác. Các yêu cầu đối với Tòa án trong ả hà nước pháp quyền có thể kể đến như Tòa án phải là cảnh quyền lực độc lập thực sự trong Bộ máy quyền lực nhà nước; Tòa án phải có khả năng kiểm soát và giới hạn được Lập pháp và Hành pháp trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật; và điều quan trọng nhất, đồng thời cũng là mục tiêu cốt lõi nhất của ả hà nước pháp quyền là Tòa án phải bảo vệ được quyền và tự do cơ bản của con người, là biểu tượng của công lý để giải quyết các tranh chấp trong xã hội, từ tranh chấp chính trị đến tranh chấp dân sự... Cho nên có thể nói, Tòa án chính là linh hồn của ả hà nước pháp quyền.

2. Trong bối cảnh xây dựng ả hà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt ả am, chúng ta đặc biệt quan tâm đến việc cải cách thiết chế Tòa án. Tòa án Việt ả am được hình thành và phát triển từ năm 1945 đến nay, và đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc bảo đảm pháp chế, bảo đảm quyền con người. Tuy nhiên, trước yêu cầu của công cuộc đổi mới và xây dựng ả hà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta, tổ chức và hoạt động của ngành tư pháp nói chung, của Tòa án nói riêng vẫn còn bộc lộ nhiều yếu kém, bất cập. Cải cách tư pháp trong điều kiện xây dựng ả hà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là quá trình đổi mới toàn diện hệ thống tư pháp nhằm mục tiêu làm cho tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp ngày càng thể hiện đầy đủ, đúng đắn bản chất dân chủ, phù hợp với yêu cầu của ả hà nước pháp quyền. Trong đó, Tòa án được coi là thiết chế trung tâm của hoạt động xét xử.

3. Tòa án chỉ thực hiện tốt chức năng và vai trò của mình khi thực sự độc lập với các thiết chế khác trong Bộ máy nhà nước. Vì vậy, cải cách tổ chức và hoạt động của Tòa án phải làm sao vừa đảm bảo được nguyên tắc này, vừa phải phù hợp với hoàn cảnh cụ thể ở Việt ả am, phù hợp với nguyên tắc thống nhất quyền lực của chúng ta là vấn đề không đơn giản.

Về tổ chức Tòa án, chúng ta nên theo mô hình thẩm quyền xét xử thay cho mô hình hành chính lãnh thổ như hiện nay nhằm đảm bảo tính độc lập của Tòa án với các cơ quan hành chính địa phương; xác lập vai trò kiểm soát lập pháp và hành pháp của Tòa án bằng cách tăng cường tổ chức và hoạt động của Tòa án hành chính và giao quyền giám sát tư pháp Hiến pháp cho Tòa án, tiến tới thành lập Tòa án Hiến pháp; cần phải tăng cường thủ tục tranh tụng thay cho thủ tục xét hỏi hiện nay để khắc phục tình trạng án tại hồ sơ, chống oan sai, đảm bảo tiến trình tư pháp diễn ra một cách công khai, dân chủ, độc lập; đồng thời với việc cải cách Tòa án, chúng ta cũng phải cải cách các cơ quan tiến hành tố tụng khác như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án và các hoạt động hỗ trợ tư pháp như luật sư, giám định tư pháp, công chứng...

4. ả hững tiêu chí về Tòa án trong ả hà nước pháp quyền nói chung cần phải được nhìn nhận trong điều kiện chính trị - xã hội ở nước ta. Có như vậy, công cuộc cải cách tư pháp mới đem lại hiệu quả, đáp ứng được những mục tiêu mà Đảng, ả hà nước và nhân dân đặt ra.